

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 799/2019/HC-PT
Ngày: 11 - 11 - 2019
V/v khiếu kiện: Hành vi hành chính
về việc không giao đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Thành

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 507/2019/TLPT-HC ngày 04 tháng 9 năm 2019 về khiếu kiện hành vi hành chính về việc không giao đất.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC- ST ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3056/2019/QĐ- PT ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Bùi Anh T, sinh năm: 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: 180 A, ấp S, xã B, huyện T1, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: E6, Tổ 4, Khu phố 1, phường T2, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai

2. Ông Nguyễn Minh T3, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: D 597A, Tổ 12, Khu phố 4, phường L, thành phố B1, tỉnh Đồng

Nai

(Theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2017)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T1.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Minh C- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Thị L1- Phó chủ tịch (xin vắng mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 5556/UBND-NC ngày 09/8/2017)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Xuân H1 - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1 (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trương Ngọc V, sinh năm 1949

2. Bà Trương Nguyễn Huyền T4, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: 16/5A, Tổ 18, Khu phố 3, phường T2, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh T5, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Địa chỉ : 103/3, Khu phố 1, Phường T6, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân huyện T1 là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của ông Bùi Anh T, các bản tự khai, các biên bản đối thoại và nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông T trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 13/01/1995, UBND huyện T7 ban hành Quyết định số 280/QĐ-UBH về việc “Giao quyền sử dụng đất ổn định cho gia đình ông Trương Ngọc V với diện tích $8m \times 32m = 256m^2$, tại lô B30.

Ông Trương Ngọc V có trách nhiệm đăng ký sử dụng đất tại xã B sử dụng đất đúng mục đích và phải chịu hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

Nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất.

Nộp tiền giá trị vị trí đất.

Nộp lệ phí địa chính và lệ phí trước bạ.

Các ông Chánh văn phòng UBND huyện, Trưởng phòng kinh tế, Chi cục thuế, Trưởng phòng TC-KH, Chủ tịch UBND xã B và ông Trương Ngọc V chịu trách nhiệm thi hành.”

Ngay sau đó, ông Trương Ngọc V đã đăng ký sử dụng đất tại xã B, đã nộp lệ phí trước bạ; nộp tiền giao đất (tiền chuyển mục đích sử dụng đất và vị trí đất) và nộp tiền lệ phí địa chính tại Chi cục thuế huyện T7.

Như vậy, ông Trương Ngọc V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đúng theo Quyết định số 280/QĐ-UBH ngày 13/01/1995 của UBND huyện T7. Tuy nhiên sau đó thì UBND huyện T7 không có đất để giao cho ông Trương Ngọc V.

Năm 1999, ông Bùi Anh T thỏa thuận mua lại quyết định được cấp đất của ông V, giấy sang nhượng đất ngày 15/4/1999 có xác nhận của UBND xã B, huyện T7 (thực tế là chuyển nhượng quyết định được giao đất).

Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông V, ông T vẫn không được UBND huyện giao đất tại thực địa.

Từ khi nhận chuyển nhượng, ông T đã nhiều lần yêu cầu UBND huyện giao đất nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết. Do UBND huyện kéo dài (gần 20 năm) không giải quyết triệt để nên ông T đã làm thất lạc mất các giấy tờ UBND huyện giải quyết trước đây. Do không được giao đất tại thực địa nên ông T không biết đất mình được giao hiện nay do ai quản lý (chỉ biết được khu vực vị trí đất theo quyết định giao đất).

Tháng 8/2003, Chính phủ và UBND tỉnh Đ tách một số xã của huyện T7 để thành lập huyện T1. Trong đó, xã B trực thuộc huyện T1.

Tuy nhiên, cho đến nay, UBND huyện T1 vẫn chưa tiến hành giao đất cho ông T theo quyết định nêu trên.

Vì vậy, nay ông Tyêu cầu UBND huyện T1 thực hiện hành vi hành chính về việc giao quyền sử dụng đất theo quyết định số 280/QĐ-UBH ngày 13/01/1995 của UBND huyện T7 (nay là huyện T1). Trong trường hợp không giao được đất thì phải định giá đất tại vị trí của quyết định giao đất và bồi thường theo giá trị đất tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm.

Theo nội dung ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện, các biên bản đối thoại và nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền bà Lương Thị L1 trong quá trình giải quyết vụ án:

Về việc ban hành Quyết định giao đất cho các hộ sử dụng của Ủy ban nhân dân huyện T7: Ngày 15/7/1994 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1604/QĐ-UBT về việc chấp thuận cho Lâm trường Thống Nhất (cũ) chuyển mục đích sử dụng 14.748m² đất trồng rừng để xây dựng nhà ở cho cán bộ, công nhân tại xã Hồ Nai 4 (nay là xã B, huyện T1). Vị trí đất nằm trên trục đường Hồ Nai đi Trị An (đường 767). Tại Điều 3 của Quyết định ghi rõ tiêu chuẩn mỗi lô là 8 x 32 = 256m² các hộ phải nộp tiền giá trị đất 2.000đ/m² tiền đền bù đất nông nghiệp là 2kg lúa/m², nộp lệ phí trước bạ và lệ phí địa chính.

Năm 1995 xét đề nghị của Lâm trường Thống Nhất tại tờ trình số 28/TT ngày 22/9/1994 kèm theo danh sách đề nghị cấp đất thổ cư, Ủy ban nhân dân huyện T7 đã ban hành Quyết định giao quyền sử dụng đất cho các hộ theo bản

đồ phân lô được Phòng địa chính huyện T7 lập tại 02 khu đất, với tổng số 151 lô đất và Thông báo thu nghĩa vụ tài chính theo giá đất theo quy định. Khi có Quyết định giao đất các hộ đã thực hiện nghĩa vụ tài chính gồm: Tiền giá trị đất 1.024.000đ, tiền lệ phí trước bạ 384.000đ, tiền lệ phí địa chính 150.000đ và Biên lai thu khác 50.000đ.

Ngày 06/01/2015 UBND huyện ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ Kiểm tra rà soát, xử lý đối với các Quyết định giao đất tại xã B. Kết quả rà soát có 36 trường hợp có Quyết định giao đất nhưng chưa được nhận đất. Đối với trường hợp giao đất cho ông Bùi Anh T thì hiện gia đình ông Trần Văn H2 đang sử dụng có bao gồm Lô B32 giao cho ông Trương Ngọc V tại Quyết định 280/QĐ- UBH ngày 13/01/1995 (ông Bùi Anh T nhận chuyển nhượng). Ông Trần Văn H2 lấn chiếm đất của Lâm trường thống nhất từ năm 1991.

Ngày 23/6/2016 UBND huyện đã có Báo cáo số 377/BC-UBND xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh theo hướng đề xuất giao cho mỗi hộ một lô đất khác tại thị trấn T1 không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Ngày 13/10/2016 UBND tỉnh có văn bản số 9618/UBND-CNN với nội dung không đồng ý bố trí giao 36 lô đất trong khu tái định cư tại thị trấn T1 cho các trường hợp đã có Quyết định giao đất nhưng chưa được cấp đất tại xã B theo đề nghị của UBND huyện vì không phù hợp với Luật đất đai năm 2013. Yêu cầu UBND huyện T1 rà soát lại toàn bộ việc xét duyệt, giao đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính của từng trường hợp cụ thể và hoàn trả cho các trường hợp đã nộp tiền sử dụng đất nhưng chưa được giao đất.

Thực hiện công văn số 9618/UBND-CNN ngày 13/10/2016 của UBND tỉnh. Ngày 16/01/2017 Ngân hàng Nông nghiệp huyện có kết quả tính toán số tiền lãi theo trần lãi suất cao nhất do Ngân hàng nhà nước quy định cao nhất tại thời điểm các hộ nộp tiền. Tuy nhiên, qua kết quả làm việc với các hộ có Quyết định giao đất thì các hộ đều không đồng ý với nội dung giải quyết hoàn trả lại số tiền đã đóng và tính lãi từ năm 1995 đến nay cho các hộ.

Do đó, UBND huyện đã báo cáo cũng như tiếp tục xin ý kiến của UBND tỉnh xem xét đối với yêu cầu của những người khởi kiện.

Theo người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh T5 trình bày: Thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày của người khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 20 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Anh T.

Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân huyện T1 về việc không giao đất cho hộ ông Bùi Anh T theo Quyết định số 280/QĐ-UBH ngày

16/01/1995 của Ủy ban nhân dân huyện T7 (cũ) là trái pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16/7/2019, Ủy ban nhân huyện T1 kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân huyện T1 vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân huyện T1 trình bày: Trước đây, UBND huyện có Quyết định giao đất cho ông V nhưng chưa có biên bản bàn giao đất thực tế. Đến năm 1999, ông V chuyển nhượng đất cho ông T. Tại thời điểm chuyển nhượng, ông V không có đất, việc chuyển nhượng không đúng pháp luật. Tranh chấp việc chuyển nhượng giữa ông V và ông T sẽ giải quyết theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Ngày 13/01/1995, UBND huyện T7 ban hành Quyết định số 280/QĐ-UBH về việc giao quyền sử dụng đất ổn định cho gia đình ông Trương Ngọc V với diện tích $8m \times 32m = 256m^2$ nhưng không có đất giao. Ngày 06/01/2015 UBND huyện ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ Kiểm tra rà soát, xử lý đối với các Quyết định giao đất tại xã B. Đối với trường hợp giao đất cho ông Bùi Anh T thì hiện gia đình ông Trần Văn H2 đang sử dụng có bao gồm Lô đất giao cho ông Trương Ngọc V tại Quyết định 280/QĐ-UBH ngày 13/01/1995 (ông Bùi Anh T nhận chuyển nhượng). Ông Trần Văn H2 lấn chiếm đất của Lâm trường thống nhất từ năm 1991. UBND huyện đã có Báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh theo hướng đề xuất giao cho mỗi hộ một lô đất khác tại thị trấn T1 không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính nhưng UBND tỉnh không đồng ý bố trí giao 36 lô đất trong khu tái định cư tại thị trấn T1 cho các trường hợp đã có Quyết định giao đất nhưng chưa được cấp đất tại xã B theo đề nghị của UBND huyện vì không phù hợp với Luật đất đai năm 2013, yêu cầu UBND huyện T1 rà soát lại toàn bộ việc xét duyệt, giao đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính của từng trường hợp cụ thể và hoàn trả cho các trường hợp đã nộp tiền sử dụng đất nhưng chưa được giao đất.

Ông V có khiếu nại vào năm 2002 và 2004 để tiếp tục xin giao đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá việc chuyển nhượng đất của ông V và ông T, chấp nhận kháng cáo của UBND huyện T1.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông T3 trình bày: Việc chuyển nhượng của ông V và ông T không có tranh chấp. Ông T có nhờ ông V khiếu nại việc giao đất. Qua các biên bản làm việc và quá trình giải quyết ở cấp

sơ thẩm, UBND huyện T1 thừa nhận việc chuyển nhượng của ông V và ông T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án:

Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm:

Án sơ thẩm xét xử có căn cứ. Khi ông V nhận Quyết định số 280/QĐ-UBH ngày 13/01/1995 của UBND huyện T7, ông V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính. Ông V chuyển nhượng cho ông T có xác nhận của UBND xã B. Hành vi sử dụng đất của ông H2, chính quyền địa phương xác nhận là hành vi trái pháp luật, đã cưỡng chế nhưng sau đó để ông H2 tái lần chiếm lại. UBND huyện không thực hiện đầy đủ những biện pháp cần thiết để xử lý ông H2. Hành vi của UBND huyện đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được giao đất và để sự việc kéo dài đến nay. Do đó, việc Ủy ban nhân huyện T1 không giao đất theo Quyết định số 280/QĐ-UBH ngày 13/01/1995 là hành vi trái pháp luật. Theo quy định pháp luật, giấy tờ đứng tên người khác nhưng việc chuyển nhượng được chính quyền địa phương xác nhận thì người nhận chuyển nhượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Ủy ban nhân huyện T1, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Ông Bùi Anh T khởi kiện về hành vi không giao quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân huyện T1 thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân huyện T1:

[2.1] *Về thẩm quyền giao quyền sử dụng đất:*

Tại Quyết định số 280/QĐ-UBH của UBND T7 (cũ) có nội dung “ Nay giao quyền sử dụng đất ổn định cho ông, bà: Trương Ngọc V diện tích 8m x 32m = 256m², số lô B30...”.

Như vậy UBND huyện T7(cũ), nay là UBND huyện T1 có thẩm quyền

giao quyền sử dụng đất cho ông V. Căn cứ Điều 23 Luật đất đai năm 1993 thì thẩm giao đất của UBND huyện T7 là đúng quy định.

[2.2] Về nội dung:

Ngày 15/7/1994 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1604/QĐ-UBT về việc chấp thuận cho Lâm trường T7 (cũ) chuyển mục đích sử dụng 14.748m² đất trồng rừng để xây dựng nhà ở cho cán bộ, công nhân tại xã Hồ Nai 4 (nay là xã B, huyện T1). Vị trí đất nằm trên trục đường Hồ Nai đi Trị An (đường 767). Tại Điều 3 của Quyết định ghi rõ tiêu chuẩn mỗi lô là $8 \times 32 = 256\text{m}^2$ các hộ phải nộp tiền giá trị đất 2.000đ/m² tiền đền bù đất nông nghiệp là 2kg lúa/m², nộp lệ phí trước bạ và lệ phí địa chính.

Ủy ban nhân dân huyện T7 đã ban hành Quyết định giao quyền sử dụng đất cho các hộ theo bản đồ phân lô được Phòng địa chính huyện T7 lập tại 02 khu đất, với tổng số 151 lô đất. Thông báo thu nghĩa vụ tài chính theo giá đất theo quy định. Khi có Quyết định giao đất các hộ đã thực hiện nghĩa vụ tài chính gồm: Tiền giá trị đất 1.024.000đ, tiền lệ phí trước bạ 384.000đ, tiền lệ phí địa chính 150.000đ và Biên lai thu khác 50.000đ.

Ngày 16/01/1995, UBND huyện T7 ban hành Quyết định số 280/QĐ-UBH về việc giao cho ông Trần Ngọc V lô B30 diện tích $8\text{m} \times 32\text{m} = 256\text{m}^2$, đồng thời yêu cầu ông V có trách nhiệm đăng ký sử dụng đất tại xã B, sử dụng đất đúng mục đích và phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính. Ông V đã đóng nghĩa vụ tài chính theo Quyết định. Đến năm 1999, ông Trương Ngọc V xin sang nhượng lại lô đất cho ông Bùi Anh T, giấy sang nhượng đất ngày 15/4/1999 có xác nhận của UBND xã B, huyện T7 chấp thuận cho chuyển nhượng Quyền sử dụng đất nêu trên. Việc sang nhượng giữa ông V và ông T không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Tuy nhiên, từ khi ông V thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Quyết định thì UBND huyện T7(cũ), nay là UBND huyện T1 lại không giao đất cho ông V hoặc giao cho ông T. Ủy ban nhân huyện T1 lại cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện T1 không giao đất cho hộ ông V là do qua kiểm tra sơ đồ phân lô đất thổ cư và hiện trạng thì hiện gia đình ông Trần Văn H2 đang lấn chiếm đất của Lâm trường T7 từ năm 1991 nên không có đất để giao cho gia đình ông V là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân huyện T1 trình bày Ủy ban nhân huyện T1 chưa có quyết định giao đất lô đất trên cho ai khác. Năm 1994, Ủy ban nhân huyện T1 có tổ chức cưỡng chế việc ông H2 lấn chiếm đất nhưng sau đó ông H2 tái chiếm lại. Ông H2 có khiếu nại và UBND tỉnh đã giải quyết khiếu nại và khẳng định việc ông H2 lấn chiếm đất của Lâm trường T7.

Kháng cáo của Ủy ban nhân huyện T1 cho rằng việc chuyển nhượng đất của ông V và ông T là trái quy định pháp luật nhưng ông V và ông T không có tranh chấp về việc sang nhượng lại lô đất ông V đã mua.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi hành chính của UBND huyện T1 về việc không giao đất cho hộ ông V sau này là ông T là trái pháp luật là có căn cứ.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân huyện T1, ý kiến của người bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân huyện T1, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân huyện T1 phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 23 Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của Ủy ban nhân huyện T1. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai .

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Anh T.

Tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện T1 về việc không giao đất cho hộ ông Trương Ngọc V (nay là hộ ông Bùi Anh T) theo Quyết định số 280/QĐ-UBH ngày 16/01/1995 của Ủy ban nhân dân huyện T7 (cũ) là trái pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật.

Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện T1 phải chịu 300.000 đồng.

Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện T1 phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí UBND huyện T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005457 ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai(1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai(1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- NKK;(1)
- NBK;(1)
- NLQ; (2)
- Lưu VP(3), HS(1), 16b (Thúy).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương

